

Bản án số: 18/2019/HNGĐ-ST
Ngày 04 - 6 - 2019
V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN HỒNG BÀNG, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Trung Dũng

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Đinh Thị Kiều Nhung

Ông Nguyễn Hữu Tiến.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Thủy - Thư ký Tòa án nhân dân quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Bà Đỗ Thị Bích Huyền - Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 6 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 05/2018/TLST-HNGĐ ngày 07 - 12 - 2018 về tranh chấp ly hôn, nuôi con; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 08/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 26 - 04 - 2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị HTQ; đăng ký nhân khẩu thường trú: Số 1061 đường 5/7 phường A, quận B, thành phố Hải Phòng; hiện trú tại: Thôn C, xã D, huyện E, thành phố Hải Phòng; có mặt;

Bị đơn: Anh NDLK; địa chỉ: Số 1061 đường F phường A, quận B, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Đơn khởi kiện đề ngày 14 - 11- 2018, được bổ sung bằng lời khai tại Bản tự khai ngày 07 - 12 - 2018 và tại phiên tòa, nguyên đơn trình bày:

Chị HTQ và anh NDLK xây dựng gia đình với nhau trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường A, quận B, thành phố Hải Phòng theo

Giấy chứng nhận kết hôn số 48, ngày 29- 08 - 2016. Quá trình chung sống vợ chồng thời gian đầu bình thường hòa thuận. Khoảng 01 năm trở lại đây vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng không còn có tiếng nói chung, bản thân anh NDLK không quan tâm và không có trách nhiệm với vợ con nên vợ chồng thường xuyên xảy ra va chạm sung đột mà không giải quyết được. Hai bên đã sống ly thân và không còn tình cảm, trách nhiệm gì với nhau. Nay nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, không thể hàn gắn được, hôn nhân không có hạnh phúc nên chị HTQ yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh NDLK theo quy định của pháp luật.

Về con chung: Chị HTQ và anh NDLK có 01 con chung là G, sinh ngày 30 - 10 - 2016, hiện chị HTQ đang trực tiếp nuôi dưỡng. Ly hôn, chị HTQ có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng con chung cho đến khi con trưởng thành đủ 18 tuổi. Việc cấp dưỡng nuôi con chung, hai bên tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Chị HTQ đề nghị để hai bên tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình thụ lý và giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng anh NDLK đều không đến và cũng không gửi bất cứ văn bản nào đến Tòa án thể hiện quan điểm, yêu cầu của mình về việc chị HTQ xin ly hôn và yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung.

Kiểm sát viên đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng phát biểu ý kiến về việc tuân theo Pháp luật tố tụng của Thẩm phán và Hội đồng xét xử, Thư ký tòa án và của các đương sự trong quá trình giải quyết vụ án như sau:

Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký Tòa án đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về: Thẩm quyền giải quyết vụ án, xác định quan hệ pháp luật tranh chấp, tư cách của những người tham gia tố tụng, thu thập chứng cứ, chuyển hồ sơ cho Viện Kiểm sát nghiên cứu.

Nguyên đơn chấp hành yêu cầu của Tòa án.

Bị đơn không chấp hành yêu cầu của Tòa án.

Về việc giải quyết vụ án: Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 28, Điều 35, Điều 147, Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội; xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Chị HTQ được ly hôn anh NDLK; về con chung: Giao 01 con chung là G, sinh ngày 30 - 10 - 2016 cho chị HTQ trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con trưởng thành, đủ 18 tuổi hoặc khi có quyết định khác theo quy định của pháp luật. Việc cấp dưỡng nuôi con chung: Chị HTQ đề nghị Tòa án để hai bên tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không

đặt ra để giải quyết; về tài sản chung: Chị HTQ đề nghị được tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra để giải quyết; về án phí dân sự sơ thẩm: Chị HTQ phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra, xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả thảo luận, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tòa án đã tổng đạt hợp lệ cho các văn bản tố tụng cho các đương sự. Bị đơn anh NDLK không có yêu cầu phản tố. Tại phiên tòa, bị đơn vắng mặt lần thứ hai mà không có lý do. Bởi vậy, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với bị đơn là phù hợp với quy định tại Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa chị HTQ và anh NDLK được xác lập trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn nên là hôn nhân hợp pháp.

[3] Về căn cứ cho ly hôn:

Chị HTQ có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn theo Điều 51 Luật Hôn nhân và gia đình.

Chị HTQ cho rằng vợ chồng không còn tình cảm với nhau; đã sống ly thân, không còn trách nhiệm với nhau. Do đó chị HTQ vẫn kiên quyết giữ nguyên yêu cầu của mình về việc đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh NDLK là có cơ sở và phù hợp với các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án.

Hội đồng xét xử thấy rằng trong quá trình giải quyết vụ án, anh NDLK không đến Tòa án tham gia hòa giải và tham gia tố tụng tại phiên tòa để bảo vệ quyền lợi cho mình. Như vậy, chứng tỏ bản thân anh NDLK cũng không mong muốn hòa giải để vợ chồng đoàn tụ.

Hội đồng xét xử thấy rằng: Cuộc sống thực tế của vợ chồng có mâu thuẫn và đã sống ly thân với nhau không ai quan tâm tới ai là đúng với trình bày của nguyên đơn và phù hợp với các Biên bản điều tra xác minh tại địa phương. Hai bên đều đã vi phạm nghĩa vụ của vợ chồng là phải chung sống, quan tâm và có trách nhiệm với nhau. Mặt khác, hai bên không có biện pháp gì để hàn gắn tình cảm vợ chồng nên đã làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Việc chị HTQ yêu cầu được ly hôn với anh NDLK là có căn cứ, phù hợp thực tế và phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình nên cần được chấp nhận.

[4] Về con chung: Chị HTQ và anh NDLK có 01 con chung, là G, sinh ngày 30 - 10 - 2016. Ly hôn, chị HTQ có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng con

chung cho đến khi con trưởng thành, đủ 18 tuổi; anh NDLK không có ý kiến, quan điểm gì về việc nuôi dưỡng con chung. Hội đồng xét xử nhận thấy việc để chị HTQ trực tiếp nuôi dưỡng con chung sẽ đảm bảo được quyền lợi về mọi mặt của con chung, phù hợp với nguyện vọng của nguyên đơn, của con chung; phù hợp với thực tế; phù hợp với quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình nên cần được chấp nhận. Việc cấp dưỡng nuôi con chung hai bên sẽ tự thỏa thuận và thực hiện với nhau, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết. Nếu sau này các bên có yêu cầu về việc cấp dưỡng nuôi con thì có quyền khởi kiện đến Tòa án để giải quyết theo quy định của pháp luật.

Anh NDLK có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở; tuy nhiên nếu anh NDLK lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì chị HTQ có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom của anh NDLK theo Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

[5] Về tài sản chung: Hai bên tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra để giải quyết. Nếu sau này các bên có tranh chấp về tài sản chung thì có quyền khởi kiện đến Tòa án để giải quyết theo quy định của pháp luật.

[6] Về án phí: Căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội: Chị HTQ phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng, theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0008010 ngày 07 tháng 12 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng. Chị HTQ đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

[7] Về quyền kháng cáo bản án sơ thẩm: Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn luật định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 28, Điều 35, khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị HTQ được ly hôn với anh NDLK.

2. Về con chung: Giao con chung, là G, sinh ngày 30 - 10 - 2016 cho chị HTQ trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con trưởng thành đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Anh NDLK có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Chị HTQ có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom của anh NDLK nếu anh NDLK lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

3. Về án phí: Chị HTQ phải nộp 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số: 0008010 ngày 07 tháng 12 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng. Chị HTQ đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo bản án sơ thẩm: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND TP. Hải Phòng;
- VKSND TP. Hải Phòng;
- VKSND quận Hồng Bàng;
- UBND P. A, Q. B, HP;
- Chi cục THADS quận Hồng Bàng;
- Các đương sự;
- Lưu: HS, VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Phạm Trung Dũng